

Bản án số:197/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05/12/2022

“ V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

**- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà Lê Thị Minh Khánh.

- Bà Nguyễn Thị Bích.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Không tham gia phiên toà.**

Ngày 05/12/2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2022/QĐXX-ST ngày 16/11/2022 giữa các đương sự:

**\*Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Hải Y, sinh năm: 1993. (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Thanh Giã 2, xã Tam Di huyện Lục Nam, tỉnh B.

Nơi ở: Janghang-ro, Llsangdong-gu, Goyang-si, Gyeonggi-do, Korea.

**+Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị Huyền, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Phố Bình Minh, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh B.

**\*Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990. (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đại Lãm, xã Tam Di, huyện Lục Nam, tỉnh B.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 03/8/2022(có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc) nguyên đơn là chị Đỗ Thị Hải Y trình bày:*

Năm 2013 chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tam Di, huyện Lục Nam, tỉnh B ngày 17/6/2013. Sau khi kết hôn chị về nhà anh T làm dâu và có 01 con chung. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc. Nhưng do mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã bất đồng trong cuộc sống và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017. Đến năm 2022 thì chị đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Sơn Tùng, sinh ngày 17/10/2014. Hiện nay, cháu Tùng đang ở cùng với anh Nguyễn Văn T, ly hôn chị đề nghị giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con nếu anh T yêu cầu cấp dưỡng thì chị đồng ý mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang lao động tại Hàn Quốc nên chị không thể ở Việt Nam tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh T được. Vì vậy, chị đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị và anh Nguyễn Văn T.

Chị cũng ủy quyền cho chị Đỗ Thị Huyền, sinh năm: 1991; địa chỉ: Phố Bình Minh, thị trấn Đồi Ngô, huyện Lục Nam, tỉnh B đến Tòa án nộp đơn khởi kiện, tạm ứng án phí, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho chị và thông báo lại cho chị biết.

*Tại bản tự khai ngày 08/11/2022 và các bản tự khai tiếp theo anh Nguyễn Văn T trình bày:* Năm 2013 anh và chị Đỗ Thị Hải Y kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Tam Di, huyện Lục Nam, tỉnh B ngày 17/6/2013. Sau khi kết hôn chị Y về nhà anh làm dâu và ở chung cùng gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa hợp, hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017. Đến năm 2022 thì chị Y đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, kể từ khi chị Y đi lao động tại nước ngoài thì vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, ít khi liên lạc với nhau và chỉ liên lạc với nhau về chuyện con cái. Nay chị Đỗ Thị Hải Y có đơn đề nghị xin ly hôn với anh, thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị Đỗ Thị Hải Y.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Sơn Tùng, sinh ngày 17/10/2014. Hiện nay, cháu Tùng đang ở cùng với anh, ly hôn anh đề nghị giao con cho anh nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh là 2.000.000 đồng/1 tháng kể từ khi xét xử sơ thẩm đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tự thỏa thuận. Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do tính chất công việc nên anh không tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Y và anh được. Vì vậy, anh đề nghị được vắng mặt trong phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, trong các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa chị Y và anh.

Tại đơn trình bày cháu Nguyễn Sơn Tùng trình bày các cháu là con của bố Nguyễn Văn T và mẹ Đỗ Thị Hải Y. Hiện nay, cháu đang ở cùng bố Nguyễn Văn T. Trường hợp bố mẹ cháu không chung sống cùng nhau nữa thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với bố.

Do vụ án các đương sự đều có bản tự khai và lời khai trình bày rõ ràng, Tòa án không thu thập tài liệu chứng cứ nên Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Hải Y, bị đơn anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 bộ luật tố tụng dân sự công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Y; bản tự khai của anh T, lời trình bày của cháu Nguyễn Sơn Tùng, tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Đỗ Thị Hải Y và anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Y, anh T.

[2]. Về thẩm quyền: Chị Đỗ Thị Hải Y là nguyên đơn, hiện đang lao động tại Hàn Quốc có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn T, anh T có hộ khẩu thường trú tại thôn Đại Lãm, xã Tam Di, huyện Lục Nam, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hải Y và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 17/6/2013, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Di, huyện Lục Nam, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn chị Y về nhà anh T sinh sống, ở chung cùng gia đình chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến cuối năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2017, đến năm 2022 chị Y đã đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Hai vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Chị Y xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Y xin ly hôn anh T, anh T cũng đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Y với anh T được ly hôn.

[4]. Về con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung là Nguyễn Sơn Tùng, sinh ngày 17/10/2014. Khi ly hôn chị Y và anh T đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, hiện nay chị Y đang ở nước ngoài không đủ điều kiện để trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình giao cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi con chung là cháu Nguyễn Sơn Tùng, sinh ngày 17/10/2014, cho đến khi con chung trưởng T đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con chung cho con chung là 2.000.000 đồng/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Do đó, cần buộc chị Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T là

2.000.000đ/1 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Y có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này.

Trường hợp chị Đỗ Thị Hải Y về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về tài sản chung, công nợ: Chị Y và anh T đều xác định không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Đỗ Thị Hải Y phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; và khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Chị Đỗ Thị Hải Y còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng.

[8]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, Điều 107, Điều 110, Điều 115, Điều 116, Điều 117 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 1, 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

**1.Về hôn nhân:** Chị Đỗ Thị Hải Y được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

**2.Về nuôi con chung:** Giao cho anh Nguyễn Văn T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Sơn Tùng, sinh ngày 17/10/2014 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Chị Đỗ Thị Hải Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T số tiền là 2.000.000đ/1 tháng từ ngày xét xử sơ thẩm 05/12/2022 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Đỗ Thị Hải Y có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này

Trường hợp chị Đỗ Thị Hải Y về Việt Nam có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

**3. Về lãi suất chậm thi hành án:** Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**4. Về án phí:** Chị Đỗ Thị Hải Y phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000679 ngày 01/11/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Chị Đỗ Thị Hải Y phải nộp tiếp số tiền 300.000đ đồng.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị Đỗ Thị Hải Y vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**6. Về hướng dẫn thi hành án:** Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- UBND xã Tam Di, huyện Lục Nam;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bích    Lê Thị Minh Khánh**

**Trần Thị Hà**

